

10 ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HK1 MÔN SINH 9 NĂM 2018-2019**1. Đề kiểm tra 15 phút HK1 Sinh 9 số 1****TRƯỜNG THCS HOÀNG HOA THÁM****ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HK1 SINH 9****Năm học 2018 - 2019****Môn: Sinh học - Lớp 9**

Câu 1. Di truyền học là gì? Biến dị là gì? Biến dị và di truyền có mối quan hệ với nhau như thế nào?

Câu 2. Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất

1. Di truyền học nghiên cứu

- A. quy luật của hiện tượng di truyền và biến dị.
- B. cơ sở vật chất của hiện tượng di truyền và biến dị.
- C. cơ chế của hiện tượng di truyền và biến dị.
- D. quy luật và bản chất của hiện tượng di truyền và biến dị.

2. Một số thuật ngữ cơ bản được sử dụng trong Di truyền học là gì?

- A. Tính trạng (đặc điểm cụ thể về hình thái, cấu tạo, sinh lí của một cơ thể).
- B. Cặp tính trạng tương phản (hai trạng thái biểu hiện trái ngược nhau của cùng một tính trạng).
- C. Dòng thuần chủng (giống có đặc tính di truyền đồng nhất, các thế hệ sau giống thế hệ trước).
- D. Cả A, B và C.

3. Mendel chọn các cặp tính trạng tương phản để thực hiện các phép lai vì

- A. dễ theo dõi sự biểu hiện của các tính trạng.
- B. thực hiện phép lai có hiệu quả cao.
- C. dễ tác động vào sự biểu hiện các tính trạng.
- D. cả B và C.

4. Trong phương pháp phân tích cơ thể lai của Mendel, điểm độc đáo nhất là gì?

- A. Cặp tính trạng đem lai phải tương phản.
- B. Theo dõi sự di truyền riêng rẽ của từng cặp tính trạng qua các thế hệ lai.
- C. Theo dõi sự di truyền của tất cả các tính trạng qua các thế hệ lai.
- D. Dùng toán xác suất thống kê để phân tích các số liệu thu được trong thí nghiệm.

5. Thế nào là kiểu gen?

- A. Kiểu gen là tổng hợp toàn bộ các gen có trong cơ thể sinh vật.
- B. Kiểu gen là tổ hợp các gen trong tế bào của cơ thể, thường chỉ xét một vài cặp gen đang được quan tâm.
- C. Kiểu gen bao gồm toàn bộ gen trội được biểu hiện ra kiểu hình.
- D. Cả A và B.

ĐÁP ÁN

Câu 1. (5 điểm)

- Di truyền học là môn khoa học nghiên cứu bản chất và quy luật của hiện tượng di truyền và biến dị. Di truyền là hiện tượng truyền đạt các đặc tính hay tính trạng của bố mẹ, tổ tiên cho các thế hệ con cháu.

- Biến dị là hiện tượng con sinh ra khác với bố mẹ và khác nhau về nhiều chi tiết.

- Biến dị và di truyền là hai hiện tượng song song và gắn liền với quá trình sản. Những kiến thức cơ sở về di truyền học đề cập cơ sở vật chất, cơ chế và quy luật của hiện tượng di truyền và biến dị.

Câu 2. (5 điểm)

1	2	3	4	5
D	D	A	B	B

1. Di truyền học nghiên cứu quy luật và bản chất của hiện tượng di truyền và biến dị.

- Chọn D.

2. Một số thuật ngữ cơ bản được sử dụng trong Di truyền học là:

- Tính trạng (đặc điểm cụ thể về hình thái, cấu tạo, sinh lí của một cơ thể).
- Cặp tính trạng tương phản (hai trạng thái biểu hiện trái ngược nhau của cùng một tính trạng).
- Dòng thuần chủng (giống có đặc tính di truyền đồng nhất, các thế hệ sau giống thế hệ trước).

- Chọn D.

3. Mendel chọn các cặp tính trạng tương phản để thực hiện các phép lai vì dễ theo dõi sự biểu hiện của các tính trạng.

- Chọn A.

4. Trong phương pháp phân tích cơ thể lai của Mendel, điểm độc đáo nhất là Theo dõi sự di truyền riêng rẽ của từng cặp tính trạng qua các thế hệ lai.

- Chọn B.

5. Kiểu gen là tổ hợp các gen trong tế bào của cơ thể, thường chỉ xét một vài cặp gen đang được quan tâm.

- Chọn B.

2. Đề kiểm tra 15 phút HK1 Sinh 9 số 2**TRƯỜNG THCS NGUYỄN NGHIÊM
ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HK1 SINH 9****Năm học 2018 - 2019****Môn: Sinh học - Lớp 9****Câu 1. (5 điểm)**

Thể nào là tính trạng trội và tính trạng lặn? Quy luật phân li được phát biểu như thế nào?

Câu 2. (5 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất:

1. Khi lai hai cơ thể bố mẹ thuần chủng và khác nhau về một cặp tính trạng tương phản thì đời con lai F₁ biểu hiện tính trạng trung gian giữa bố và mẹ vì

- A. tính trạng trội át tính trạng lặn.
- B. gen trội át hoàn toàn gen lặn.
- C. gen trội át không hoàn toàn gen lặn.
- D. cả A và B.

2. Hiện tượng đồng tính là

- A. hiện tượng các cơ thể lai đều mang tính trạng giống nhau.
- B. hiện tượng các cơ thể lai chỉ mang tính trạng có ở một bên bố hay mẹ.
- C. hiện tượng các cơ thể lai mang tính trạng trung gian giữa bố và mẹ.
- D. hiện tượng các cơ thể lai đều mang tính trạng có ở cả bố và mẹ.

3. Khi lai hai cơ thể bố mẹ thuần chủng và khác nhau về một cặp tính trạng tương phản thì đời con lai F₁ đồng tính vì

- A. tính trạng trội át tính trạng lặn
- B. gen trội át hoàn toàn gen lặn.
- C. gen trội át không hoàn toàn gen lặn.
- D. cả A và B.

4. Phát biểu nào sau đây là đúng về quy luật phân li?

- A. Trong quá trình phát sinh giao tử, có hiện tượng giao tử thuần khiết, có sự phân li tính trạng.
- B. Trong cơ thể lai F₂ thể hiện cả tính trạng trội và tính trạng lặn theo tỉ lệ trung bình là 3 trội : 1 lặn.

- C. Trong cơ thể lai F₁, nhân tố di truyền lặn không bị trộn lẫn với nhân tố di truyền trội.
- D. Trong quá trình phát sinh giao tử, mỗi nhân tố di truyền trong cặp nhân tố di truyền phân li về một giao tử và giữ nguyên bản chất như ở cơ thể thuần chủng của P.

5. Ở mèo, lông ngắn trội hoàn toàn so với lông dài.

P : Lông ngắn không thuần chủng × Lông ngắn thuần chủng

Kết quả kiểu hình ở F₁ là:

- A. 100% lông ngắn
- B. 100% lông dài
- C. 1 lông ngắn : 1 lông dài
- D. 3 lông ngắn : 1 lông dài

ĐÁP ÁN

Câu 1. (5 điểm)

- Tính trạng trội: Là tính trạng biểu hiện khi có kiểu gen ở dạng đồng hợp tử hoặc dị hợp tử. Trong thực tế, có trội hoàn toàn và trội không hoàn toàn.
- Tính trạng lặn: Là tính trạng chỉ xuất hiện khi kiểu gen ở trạng thái đồng lặn.
- Trong quá trình phát sinh giao tử, mỗi nhân tố di truyền trong cặp nhân tố di truyền phân li về một giao tử và giữ nguyên bản chất như ở cơ thể thuần chủng của P.

Câu 2. (2 điểm)

1	2	3	4	5
C	A	B	D	A

1. Khi lai hai cơ thể bố mẹ thuần chủng và khác nhau về một cặp tính trạng tương phản thì đời con lai F₁ biểu hiện tính trạng trung gian giữa bố và mẹ vì gen trội át không hoàn toàn gen lặn.
 - Chọn C.
2. Hiện tượng đồng tính là hiện tượng các cơ thể lai đều mang tính trạng giống nhau.
 - Chọn A.
3. Khi lai hai cơ thể bố mẹ thuần chủng và khác nhau về một cặp tính trạng tương phản thì đời con lai F₁ đồng tính vì gen trội át hoàn toàn gen lặn.
 - Chọn B.
4. Phát biểu đúng là D, Trong quá trình phát sinh giao tử, mỗi nhân tố di truyền trong cặp nhân tố di truyền phân li về một giao tử và giữ nguyên bản chất như ở cơ thể thuần chủng của P.
 - Chọn D.

5. Ở mèo, lông ngắn > lông dài.

P : Lông ngắn không thuần chủng (Aa) × Lông ngắn thuần chủng (AA)

F: AA : Aa

100% lông ngắn

- Chọn A.

3. Đề kiểm tra 15 phút HK1 Sinh 9 số 3

TRƯỜNG THCS LÊ LỢI
ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HK1 SINH HỌC 9
NĂM HỌC: 2018-2019
Môn: Sinh học - Lớp 9

Câu 1. (5 điểm)

Hãy chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất

1. Ý nghĩa của phép lai phân tích là gì?

- A. Xác định được thể dị hợp để sử dụng trong chọn giống
- B. Xác định được thể đồng hợp để sử dụng trong chọn giống
- C. Xác định được tính trạng trung gian để sử dụng trong chọn giống
- D. Cả A và B

2. Màu lông do 1 gen quy định. Khi lai cá thể lông trắng với lông đen đều thuần chủng thu được F₁ đều có lông màu xanh da trời. Tiếp tục cho F₁ giao phối với nhau được có kết quả về kiểu hình là

- A. lông xanh da trời: 1 lông đen : 2 lông trắng
- B. 2 lông đen : 1 lông xanh da trời : 1 lông trắng
- C. 2 lông xanh da trời : 1 lông đen : 1 lông trắng
- D. 1 lông đen : 1 lông xanh da trời : 1 lông trắng

3. Trội không hoàn toàn có

- A. kiểu hình của F₁ biểu hiện tính trạng trung gian giữa bố và mẹ.
- B. F₂ có tỉ lệ kiểu hình 1 trội : 2 trung gian : 1 lặn.
- C. F₂ có tỉ lệ kiểu hình 3 trội : 1 lặn.
- D. cả A và B.

4. Cặp nhân tố di truyền quy định tính trạng có đặc điểm gì?

- A. Phân li đồng đều về mỗi giao tử.
- B. Cùng phân li về mỗi giao tử.

C. Hoà lẫn vào nhau khi phân li về mỗi giao tử.

D. Át chế nhau khi phân li về mỗi giao tử.

5. Hiện tượng phân tính là gì?

A. Hiện tượng F_1 biểu hiện cả tính trạng trội và lặn.

B. Hiện tượng F_2 biểu hiện cả tính trạng trội và lặn.

C. Hiện tượng cơ thể lai biểu hiện cả tính trạng trội và lặn.

D. Hiện tượng cơ thể lai biểu hiện cả tính trạng của bố và của mẹ và có thể cả tính trạng mới.

Câu 2. (5 điểm)

Thế nào là hiện tượng “Trội không hoàn toàn”? So sánh hiện tượng trội hoàn toàn và không hoàn toàn theo bảng sau:

Đặc điểm	Trội hoàn toàn	Trội không hoàn toàn
Kiểu hình ở F_1		
Tỉ lệ kiểu hình ở F_2		
Phép lai phân tích được dùng trong trường hợp		

ĐÁP ÁN

Câu 1. (5 điểm)

1	2	3	4	5
B	C	D	A	C

1. Ý nghĩa của phép lai phân tích là: Xác định được thể đồng hợp để sử dụng trong chọn giống

- Chọn B.

2. Màu lông do 1 gen quy định.

P: lông trắng (AA) x lông đen (aa) → F_1 đều có lông màu xanh da trời (Aa).

$F_1 \times F_1$: Aa x Aa → F_2 : 1AA : 2Aa : 1aa

2 lông xanh da trời : 1 lông đen : 1 lông trắng

- Chọn C.

3. Trội không hoàn toàn có

- kiểu hình của F_1 biểu hiện tính trạng trung gian giữa bố và mẹ.

- F_2 có tỉ lệ kiểu hình 1 trội : 2 trung gian : 1 lặn.

- Chọn D.

4. Cặp nhân tố di truyền quy định tính trạng Phân li đồng đều về mỗi giao tử.

- Chọn A.

5. Hiện tượng phân tính là Hiện tượng cơ thể lai biểu hiện cả tính trạng trội và lặn.

- Chọn C.

Câu 2. (5 điểm)

- Hiện tượng “Trội không hoàn toàn” là hiện tượng di truyền trong đó kiểu hình của cơ thể lai F_1 biểu hiện trung gian giữa bố và mẹ, còn ở F_1 có tỉ lệ kiểu hình là: 1 trội : 2 trung gian : 1 lặn.

- So sánh:

Đặc điểm	Trội hoàn toàn	Trội không hoàn toàn
Kiểu hình ở F_1	Tính trạng trội	Tính trạng trung gian
Tỉ lệ kiểu hình ở F_2	3 trội : 1 lặn	1 trội : 2 trung gian : 1 lặn.
Phép lai phân tích được dùng trong trường hợp	Được dùng (vì tính trạng trội có 2 kiểu gen quy định)	Không được dùng (vì tính trạng trội do một kiểu gen quy định)

4. Đề kiểm tra 15 phút HK1 Sinh 9 số 4

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HK1 SINH 9

Năm học: 2018-2019

Môn: Sinh học - Lớp 9

Câu 1.(5 điểm)

Biến dị tổ hợp là gì? Biến dị tổ hợp có ý nghĩa gì? Biến dị tổ hợp được xuất hiện ở hình thức sinh sản nào?

Câu 2.(5 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất:

1. Các biến dị tổ hợp được tạo ra

- trong sinh sản hữu tính, chỉ xuất hiện ở F_1 .
- trong sinh sản hữu tính, xuất hiện ở cả F_1 và F_2 .
- trong sinh sản hữu tính, chỉ xuất hiện ở F_2 .
- trong sinh sản hữu tính, không bao giờ xuất hiện ở F_2 .

2. Phát biểu nào sau đây là đúng về quy luật phân li độc lập?

- Mỗi cặp tính trạng đều phân li theo tỉ lệ 9 : 3 : 3 : 1.

B. Sự di truyền của các cặp tính trạng phân li độc lập với nhau trong quá trình giảm phân.

C. Các cặp nhân tố di truyền đã phân li độc lập trong quá trình phát sinh giao tử.

D. Cả A và B

3. Thế nào là biến dị tổ hợp?

A. Sự tổ hợp lại các tính trạng của bố mẹ làm xuất hiện các kiểu hình mới.

B. Sự xuất hiện các tổ hợp mới của các tính trạng ở bố mẹ trong quá trình lai giống.

C. Là loại biến dị di truyền phát sinh ở thế hệ lai do sự tổ hợp lại các nhân tố di truyền của P.

D. Cả A, B và C.

4. Quy luật phân li độc lập có ý nghĩa gì?

A. Giải thích được tại sao sinh giới lại đa dạng và phong phú.

B. Giải thích được tại sao sinh sản hữu tính có nhiều ưu điểm hơn sinh sản vô tính.

C. Là cơ sở di truyền học của biện pháp lai hữu tính trong chọn giống.

D. Cả A, B và C.

5. Giả sử: A quy định hạt vàng, a : hạt xanh, B : hạt trơn, b : hạt nhăn. A và B trội hoàn toàn so với a và b, các gen phân li độc lập

Bố mẹ có kiểu gen là : AABb và aabb. Tỉ lệ phân tính ở đời con sẽ như thế nào?

A. Có tỉ lệ phân li 1 : 1.

B. Có tỉ lệ phân li 1 : 2 : 1

C. Có tỉ lệ phân li 9 : 3 : 3 : 1.

D. Có tỉ lệ phân li 1 : 1 : 1 : 1.

ĐÁP ÁN

Câu 1. (5 điểm)

- Biến dị tổ hợp là những kiểu hình ở các thế hệ con khác với bố mẹ.

Ví dụ: Trong thí nghiệm lai hai cặp tính trạng của Mendel thì tính trạng hạt vàng, nhăn và hạt xanh, trơn ở F_2 là biến dị tổ hợp.

- Biến dị tổ hợp là nguyên liệu của quá trình chọn lọc tự nhiên và chọn giống.

- Biến dị tổ hợp khá phong phú ở những loài sinh vật có hình thức sinh sản hữu tính (giao phối)

Câu 2. (5 điểm)

1	2	3	4	5
B	C	C	D	A

1. Các biến dị tổ hợp được tạo ra trong sinh sản hữu tính, xuất hiện ở cả F_1 và F_2 .
 - Chọn B.
2. Phát biểu đúng là Các cặp nhân tố di truyền đã phân li độc lập trong quá trình phát sinh giao tử.
 - Chọn C.
3. Biến dị tổ hợp là loại biến dị di truyền phát sinh ở thế hệ lai do sự tổ hợp lại các nhân tố di truyền của P.
 - D. Cả A, B và C.
4. Quy luật phân li độc lập có ý nghĩa:
 - Giải thích được tại sao sinh giới lại đa dạng và phong phú.
 - Giải thích được tại sao sinh sản hữu tính có nhiều ưu điểm hơn sinh sản vô tính.
 - Là cơ sở di truyền học của biện pháp lai hữu tính trong chọn giống.
 - Chọn D.
5. A quy định hạt vàng, a : hạt xanh, B : hạt trơn, b : hạt nhăn. A và B trội hoàn toàn so với a và b, các gen phân li độc lập. Ta có sơ đồ lai:
P: AABb x aabb.
Gp: (AB, Ab) x ab
F1: AaBb : Aabb -> 1:1
 - Chọn A.

5. Đề kiểm tra 15 phút HK1 Sinh 9 số 5

TRƯỜNG THCS TRẦN CAO VÂN ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HK1 SINH 9

Năm học: 2018 - 2019

Môn: Sinh học - Lớp 9

Câu 1 (5 điểm)

Quy luật phân li độc lập được phát biểu như thế nào và có ý nghĩa gì?

Câu 2 (3 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất:

1. Tại sao trong sinh sản hữu tính lại xuất hiện các biến dị tổ hợp?

A. Do các cặp gen tương ứng phân li độc lập và tổ hợp tự do tạo ra sự đa dạng của các giao tử.

- B. Do sự kết hợp ngẫu nhiên giữa các loại giao tử tạo ra nhiều tổ hợp về kiểu gen trong thụ tinh.
 C. Do có những tác động vật lí, hoá học trong quá trình hình thành giao tử.
 D. Cả A và B.

2. Phát biểu nào sau đây sai về quy luật phân li?

- A. Trong quá trình phát sinh giao tử, mỗi nhân tố di truyền trong cặp nhân tố di truyền phân li về một giao tử và giữ nguyên bản chất như ở cơ thể thuần chủng của P.
 B. Trong cơ thể lai F_2 thể hiện cả tính trạng trội và tính trạng lặn theo tỉ lệ trung bình là 3 trội : 1 lặn.
 C. Trong cơ thể lai F_1 , nhân tố di truyền lặn không bị trộn lẫn với nhân tố di truyền trội.
 D. Trong quá trình phát sinh giao tử, có hiện tượng giao tử thuần khiết, có sự phân li tính trạng.

3. Số kiểu gen và tỉ lệ phân li kiểu gen là

- A. 3^n và $(3+1)^n$
 B. 4^n và $(1 : 2 : 1)^n$
 C. 3^n và $(1 : 2 : 1)^n$
 D. 2^n và $(3 : 1)^n$

Câu 3 (2 điểm)

Chọn cụm từ phù hợp trong số các cụm từ cho sẵn và điền vào chỗ trống trong câu sau:

Sự phân li độc lập và tổ hợp tự do của các cặp gen đã tạo ra loại..... (1).....

Đây là loại biến dị..... (2).....

- A. đột biến gen và đột biến NST.
 B. biến dị tổ hợp.
 C. không có khả năng di truyền.
 D. có khả năng di truyền.

ĐÁP ÁN

Câu 1. (5 điểm)

- Quy luật phân li độc lập : Khi lai hai bố mẹ khác nhau về hai cặp tính trạng phản thuần chủng di truyền độc lập với nhau, thì F_2 có tỉ lệ mỗi kiểu hình tích tỉ lệ của các tính trạng hợp thành nó.

- Ý nghĩa: Quy luật phân li độc lập đã giải thích một trong những nguyên nhân xuất hiện những biến dị tổ hợp ở các loài sinh vật giao phối. Loại biến dị vai trò quan trọng đối với chọn giống và tiến hoá. Ở các sinh vật bậc cao, nhiều gen thường tồn tại ở thể dị hợp, do đó với sự phân li độc lập và tổ hợp của chúng sẽ tạo ra nhiều loại tổ hợp về kiểu gen và kiểu hình ở đời con.

Câu 2. (3 điểm)

1	2	3
D	D	C

1. Trong sinh sản hữu tính xuất hiện các biến dị tổ hợp do:

- Các cặp gen tương ứng phân li độc lập và tổ hợp tự do tạo ra sự đa dạng của các giao tử.
- Sự kết hợp ngẫu nhiên giữa các loại giao tử tạo ra nhiều tổ hợp về kiểu gen trong thụ tinh.

- Chọn D.

2. Phát biểu sai về quy luật phân li là D: phát sinh giao tử không có sự phân li tính trạng.

- Chọn D.

3. Số kiểu gen và tỉ lệ phân li kiểu gen là: 3^n và $(1 : 2 : 1)^n$

- Chọn C.

Câu 3. (2 điểm)

1	2
B	D

6. Đề kiểm tra 15 phút HK1 Sinh 8 số 6

TRƯỜNG THCS NGÔ QUYỀN
ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HK1 SINH 8

NĂM HỌC: 2018-2019

Môn: Sinh học – Lớp 9

Câu 1. (5 điểm)

Cho ví dụ phân biệt hiện tượng trội hoàn toàn và trội không hoàn toàn.

Câu 2. (5 điểm) Chọn câu trả lời đúng hoặc đúng nhất.

1. Số kiểu giao tử được hình thành là

- A. $4n$
- B. 2^n
- C. $3n$
- D. $(3:1)^n$

2. Các con có nhóm máu A, B, AB không có nhóm máu O, kiểu gen của bố mẹ là

- A. $I^A I^B \times I^A I^O$
- B. $I^A I^O \times I^B I^O$

C. $I^{B^1O} \times I^{O^1O}$

D. $I^{A^1O} \times I^{O^1O}$

3. Điều kiện cơ bản đảm bảo cho sự di truyền độc lập các cặp tính trạng là

- A. số lượng và sức sống của đời lai phải lớn.
- B. mỗi cặp gen quy định một cặp tính trạng phải tồn tại trên một cặp NST.
- C. các gen tác động riêng rẽ lên sự hình thành tính trạng.
- D. các gen trội phải lấn át hoàn toàn gen lặn.

4. Số kiểu hình và tỉ lệ phân li kiểu hình là

- A. 3^n và $(3+1)^n$
- B. 4^n và $(1 : 2 : 1)^n$
- C. 3^n và $(1 : 2 : 1)^n$
- D. 2^n và $(3 : 1)^n$

5. Số kiểu tổ hợp được hình thành là

- A. 4^n
- B. 2^n
- C. 3^n
- D. $(3 : 1)^n$

ĐÁP ÁN

Câu 1.

Trội hoàn toàn	Trội không hoàn toàn
P: Hạt trơn × Hạt nhăn	P: Hoa đỏ × Hoa trắng
F1: 100% hạt trơn	F1: 100% hoa hồng
F1: Tự thụ phấn	F1: Tự thụ phấn
F2: 3 Hạt trơn : 1 Hạt nhăn	F2: 1 Hoa đỏ : 2 Hoa hồng : 1 Hoa trắng

Câu 2. (5 điểm)

1	2	3	4	5
B	A	B	D	A

7. Đề kiểm tra 15 phút HK1 Sinh 8 số 7

TRƯỜNG THCS XUÂN NGỌC

ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HK1 SINH 8**NĂM HỌC 2018 – 2019****Môn: Sinh học - Lớp 9****Câu 1. (5 điểm)**

NST có chức năng gì? Nói rằng “Số lượng NST phản ánh trình độ tiến hoá của loài” đúng hay sai?

Câu 2. (5 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất:

1. NST có hình thái và kích thước như thế nào?

- A. Hình thái và kích thước NST thường thay đổi qua các kì của quá trình phân, bào, nhưng mỗi NST đều có hình thái và kích thước đặc trưng qua các thế hệ.
- B. Ở kì giữa (khi xoắn cực đại), NST có hình hạt, hình que, hình chữ V.
- C. Hình thái và kích thước NST phụ thuộc vào từng loài.
- D. Cả A và B

2. NST thường tồn tại thành từng cặp tương đồng trong

- A. hợp tử, tế bào sinh dưỡng, giao tử.
- B. tế bào sinh dưỡng, tế bào sinh dục sơ khai, giao tử.
- C. tế bào sinh dục sơ khai, tế bào sinh dưỡng, hợp tử.
- D. giao tử, tế bào sinh dục sơ khai.

3. NST thường tồn tại thành từng chiếc trong tế bào nào?

- A. Hợp tử.
- B. Tế bào sinh dưỡng.
- C. Tế bào sinh dục sơ khai.
- D. Giao tử.

4. NST có hình dạng và kích thước đặc trưng tại

- A. kì đầu của nguyên phân.
- B. kì giữa của phân bào.
- C. kì sau của phân bào.
- D. kì cuối của giảm phân.

5. Thế nào là cặp NST tương đồng?

- A. Cặp NST tương đồng là cặp NST chỉ tồn tại trong tế bào sinh dưỡng

- B. Cặp NST tương đồng gồm hai chiếc giống nhau về hình dạng, kích thước, trong đó một chiếc có nguồn gốc từ bố, một chiếc có nguồn gốc từ mẹ
- C. Cặp NST tương đồng là cặp NST được hình thành sau khi NST tự nhân đôi
- D. Cả A và B

ĐÁP ÁN

Câu 1. (5 điểm)

- Chức năng của NST: NST là cấu trúc mang gen (có bản chất là ADN), chính nhờ quá trình tự nhân đôi của ADN dẫn đến quá trình tự nhân đôi của NST, nhờ đó các gen quy định các tính trạng được di truyền qua các thế hệ tế bào và cơ thể.

- Nói “Số lượng NST phản ánh trình độ tiến hoá của loài” là sai. Có thể chứng minh khẳng định này qua ví dụ sau:

- Số lượng NST ở gà 78 NST nhưng số lượng NST ở người chỉ có 46 NST. Như vậy không thể nói gà tiến hoá hơn người

Câu 2. (5 điểm)

1	2	3	4	5
D	C	D	B	B

1. NST có hình thái và kích thước:

- Hình thái và kích thước NST thường thay đổi qua các kì của quá trình phân, bào, nhưng mỗi NST đều có hình thái và kích thước đặc trưng qua các thế hệ.

- Ở kì giữa (khi xoắn cực đại), NST có hình hạt, hình que, hình chữ V.

- Chọn D.

2. NST thường tồn tại thành từng cặp tương đồng trong: tế bào sinh dục sơ khai, tế bào sinh dưỡng, hợp tử.

- Chọn C.

3. NST thường tồn tại thành từng chiếc trong giao tử.

- Chọn D.

4. NST có hình dạng và kích thước đặc trưng tại kì giữa của phân bào.

- Chọn B.

5. Cặp NST tương đồng gồm hai chiếc giống nhau về hình dạng, kích thước, trong đó một chiếc có nguồn gốc từ bố, một chiếc có nguồn gốc từ mẹ

- Chọn B.

8. Đề kiểm tra 15 phút HK1 Sinh 9 số 8**TRƯỜNG THCS VÕ NGUYỄN GIÁP
ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HK1 SINH 9****Năm học 2018 - 2019****Môn: Sinh học - Lớp 9****Câu 1. (5 điểm)**

Nguyên phân là gì? Nguyên phân có ý nghĩa gì?

Câu 2. (5 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất:

1. Trong quá trình phân bào, sự nhân đôi của NST xảy ra ở kì nào?

- A. Kì trung gian
- B. Kì đầu
- C. Kì giữa
- D. Kì sau

2. Qua quá trình nguyên phân, bộ NST ở tế bào con có đặc điểm gì?

- A. Có bộ NST lưỡng bội, các NST tồn tại ở trạng thái kép.
- B. Có bộ NST lưỡng bội, các NST tồn tại ở trạng thái đơn.
- C. Có bộ NST đơn bội, các NST tồn tại ở trạng thái đơn.
- D. Có bộ NST đơn bội, các NST tồn tại ở trạng thái kép.

3. Trong quá trình phân chia tế bào, thoi phân bào có vai trò gì?

- A. Là nơi xảy ra sự tự nhân đôi của ADN.
- B. Là nơi xảy ra sự tự nhân đôi của NST.
- C. Giúp NST phân chia về hai cực của tế bào.
- D. Là nơi hình thành ti thể.

4. Nguyên phân tạo ra loại tế bào nào?

- A. Tế bào có bộ NST $2n$.
- B. Giao tử có bộ NST n .
- C. Tinh trùng có bộ NST n .
- D. Trứng có bộ NST n .

5. Trong nguyên phân, NST phân li về 2 cực tế bào ở kì nào?

- A. Kì đầu
- B. Kì cuối
- C. Kì sau
- D. Kì giữa

ĐÁP ÁN

Câu 1. (5 điểm)

- Nguyên phân là quá trình phân chia tế bào nhưng không có sự thay đổi về số lượng NST (số lượng NST ở tế bào con bằng với số lượng NST ở tế bào mẹ).

- Ý nghĩa của nguyên phân:

+ Nguyên phân là phương thức truyền đạt và ổn định bộ NST đặc trưng của loài qua các thế hệ tế bào trong quá trình phát sinh cá thể và qua các thế hệ cơ thể ở những loài sinh sản vô tính.

+ Nguyên phân là phương thức sinh sản của tế bào.

+ Nguyên phân là phương thức sinh trưởng của tế bào (cơ thể đa bào lớn lên qua quá trình nguyên phân, sinh trưởng của các mô, cơ quan trong cơ thể nhờ chủ yếu vào sự tăng số lượng tế bào qua quá trình nguyên phân).

Câu 2. (5 điểm)

1	2	3	4	5
A	B	C	A	C

1. Trong quá trình phân bào, sự nhân đôi của NST xảy ra ở kì trung gian

- Chọn A.

2. Qua quá trình nguyên phân, bộ NST ở tế bào con có đặc điểm là lưỡng bội, các NST tồn tại ở trạng thái đơn.

- Chọn B.

3. Trong quá trình phân chia tế bào, thoi phân bào giúp NST phân chia về hai cực của tế bào.

- Chọn C.

4. Nguyên phân tạo ra tế bào có bộ NST $2n$.

- Chọn A.

5. Trong nguyên phân, NST phân li về 2 cực tế bào ở kì sau

- Chọn C.

9. Đề kiểm tra 15 phút HK1 Sinh 9 số 9**TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ ĐỊNH
ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HK1 SINH 9****Năm học 2018 - 2019****Môn: Sinh học - Lớp 9****Câu 1. (5 điểm)**

Giảm phân là gì? Giảm phân có ý nghĩa gì?

Câu 2. (5 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất:

- Qua quá trình giảm phân, bộ NST ở tế bào con có đặc điểm gì?
 - Có bộ NST lưỡng bội, các NST tồn tại ở trạng thái kép.
 - Có bộ NST lưỡng bội, các NST tồn tại ở trạng thái đơn.
 - Có bộ NST đơn bội, các NST tồn tại ở trạng thái đơn.
 - Có bộ NST đơn bội, các NST tồn tại ở trạng thái kép.
- Hiện tượng mỗi NST kép trong cặp tương đồng phân li về một cực của tế bào ở
 - kì giữa 1 của giảm phân.
 - kì sau 1 của giảm phân.
 - kì giữa 2 của giảm phân.
 - kì sau 2 của giảm phân.
- Giảm phân tạo ra loại tế bào nào?
 - Tế bào có bộ NST $2n$.
 - Giao tử có bộ NST n .
 - Tinh trùng có bộ NST n .
 - Trứng có bộ NST n .
- Ở người, tế bào có $2n = 46$. Một tế bào người ở kì sau của giảm phân 2 có số lượng NST là
 - 23 NST đơn.
 - 23 crômatit.
 - 46 NST kép.
 - 46 NST đơn.

5. Ở người, tế bào có $2n = 46$. Một tế bào người ở kì giữa của giảm phân 1 có số lượng NST là
- 23 NST đơn.
 - 23 crômatit.
 - 46 NST kép.
 - 46 NST đơn.

ĐÁP ÁN

Câu 1. (5 điểm)

- Giảm phân là quá trình hình thành giao tử.

- Ý nghĩa của giảm phân: Giúp hình thành các giao tử. Giảm phân đã tạo ra nhiều loại giao tử khác nhau về nguồn gốc NST và sự kết hợp ngẫu nhiên của các loại giao tử qua thụ tinh đã tạo ra các hợp tử mang những tổ hợp NST khác nhau, làm xuất hiện biến dị tổ hợp phong phú ở những loài sinh sản hữu tính tạo nguồn nguyên liệu cho tiến hoá và chọn giống.

Câu 2. (5 điểm)

1	2	3	4	5
C	B	B	D	C

- Qua quá trình giảm phân, bộ NST ở tế bào con có đặc điểm là đơn bội, các NST tồn tại ở trạng thái đơn.
 - Chọn C.
- Hiện tượng mỗi NST kép trong cặp tương đồng phân li về một cực của tế bào ở kì sau 1 của giảm phân.
 - Chọn B.
- Giảm phân tạo ra giao tử có bộ NST n
 - Chọn B.
- Ở người, tế bào có $2n = 46$. Một tế bào người ở kì sau của giảm phân 2 có số lượng NST là 46 NST đơn
 - Chọn D.
- Ở người, tế bào có $2n = 46$. Một tế bào người ở kì giữa của giảm phân 1 có số lượng NST là 46 NST kép
 - Chọn C.

10. Đề kiểm tra 15 phút HK1 Sinh 9 số 10

TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ ĐỊNH

ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HK1 SINH 9**Năm học 2018 - 2019****Môn: Sinh học - Lớp 9****Câu 1 (5 điểm)**

Thụ tinh là gì? Thụ tinh có ý nghĩa gì?

Câu 2 (5 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất:

1. Qua quá trình thụ tinh, bộ NST ở hợp tử có đặc điểm gì?

- A. Có bộ NST lưỡng bội, các NST tồn tại ở trạng thái kép.
- B. Có bộ NST lưỡng bội, các NST tồn tại ở trạng thái đơn.
- C. Có bộ NST đơn bội, các NST tồn tại ở trạng thái đơn.
- D. Có bộ NST đơn bội, các NST tồn tại ở trạng thái kép.

2. Quá trình thụ tinh có ý nghĩa gì?

- A. Giúp duy trì bộ NST $2n$ đặc trưng của loài.
- B. Tạo nên hợp tử có tính di truyền.
- C. Góp phần tạo ra nhiều biến dị tổ hợp.
- D. Cả A, B và C.

3. Nhờ đâu bộ NST đặc trưng của những loài sinh sản hữu tính lại được ổn định qua các thế hệ?

- A. Do qua giảm phân, bộ NST ($2n$) đặc trưng cho loài bị giảm đi một nửa, hình thành bộ NST đơn bội (n) trong giao tử.
- B. Do trong thụ tinh, các giao tử đơn bội (n) kết hợp với nhau tạo thành hợp tử lưỡng bội ($2n$) đặc trưng cho loài.
- C. Do trong giảm phân và thụ tinh không xảy ra quá trình biến đổi NST.
- D. Cả A, B và C.

4. Đối với các loài sinh sản sinh dưỡng và sinh sản vô tính, cơ chế nào duy trì bộ NST đặc trưng của loài?

- A. Nguyên phân.
- B. Giảm phân.
- C. Nguyên phân - giảm phân - thụ tinh.

D. Cả A và B.

5. Ý nghĩa của giảm phân và thụ tinh là gì?

A. Bộ NST lưỡng bội ($2n$) qua giảm phân tạo ra bộ NST đơn bội (n) ở giao tử.

B. Trong thụ tinh, các giao tử có bộ NST đơn bội (n) kết hợp với nhau tạo ra hợp tử có bộ NST lưỡng bội ($2n$).

C. Duy trì bộ NST, tạo ra biến dị tổ hợp.

D. Tạo ra nhiều hợp tử khác nhau về nguồn gốc và chất lượng NST, làm tăng biến dị tổ hợp

ĐÁP ÁN

Câu 1. (5 điểm)

- Thụ tinh: Thụ tinh là sự kết hợp giữa một giao tử đực với một giao tử cái (một tinh trùng với một tế bào trứng) và tạo thành hợp tử.

- Ý nghĩa của thụ tinh: Giảm phân, giao tử được tạo thành mang bộ NST đơn bội (n) và qua thụ tinh giao tử đực và cái mà bộ NST lưỡng bội ($2n$) được tái tạo. Như vậy, sự phối hợp các quá trình giảm phân và thụ tinh đã đảm bảo sự duy trì ổn định bộ NST đặc trưng của những loài sinh sản hữu tính qua các thế hệ cơ thể.

Câu 2. (5 điểm)

1	2	3	4	5
B	D	D	A	C

1. Qua quá trình thụ tinh, bộ NST ở hợp tử là lưỡng bội, các NST tồn tại ở trạng thái đơn.

- Chọn B.

2. Quá trình thụ tinh có ý nghĩa:

- Giúp duy trì bộ NST $2n$ đặc trưng của loài.

- Tạo nên hợp tử có tính di truyền.

- Góp phần tạo ra nhiều biến dị tổ hợp.

- Chọn D.

3. Bộ NST đặc trưng của những loài sinh sản hữu tính được ổn định qua các thế hệ do:

- qua giảm phân, bộ NST ($2n$) đặc trưng cho loài bị giảm đi một nửa, hình thành bộ NST đơn bội (n) trong giao tử

- Trong thụ tinh, các giao tử đơn bội (n) kết hợp với nhau tạo thành hợp tử lưỡng bội ($2n$) đặc trưng cho loài

- Trong giảm phân và thụ tinh không xảy ra quá trình biến đổi NST

- Chọn D.

4. Đối với các loài sinh sản sinh dưỡng và sinh sản vô tính, Nguyên phân duy trì bộ NST đặc trưng của loài

- Chọn A.

5. Ý nghĩa của giảm phân và thụ tinh là gì duy trì bộ NST, tạo ra biến dị tổ hợp.

- Chọn C.

www.eLib.vn